

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Đông.

Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 01/01/1989 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Ông Triệu H1, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2024 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H trình bày: Bà và ông Triệu H1 tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và làm thủ tục đăng ký kết hôn, được UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/8/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã, ông H1 chửi bà và cha bà nhiều lần, đồng thời ông H1 còn phá hoại tài sản trong nhà đến khi không chịu được thì bà về nhà cha ruột sinh sống đến nay. Giữa bà và ông H1 có 03 người con chung là Triệu Văn

V, sinh ngày 11/03/2013; Triệu Vũ H2, sinh ngày 08/01/2018 và Triệu Ngọc H3, sinh ngày 15/10/2019 đều đang sống với ông H1. Giữa bà và ông H1 đã hàn gắn không thành, bà muốn kết thúc mối quan hệ hôn nhân nên yêu cầu giải quyết.

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Triệu H1.

- Về con chung: Bà yêu cầu giao 03 người con chung tên Triệu Văn V, Triệu Vũ H2 và Triệu Ngọc H3 cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với vấn đề cấp dưỡng cho con thì bà sẽ tự thỏa thuận với ông H1.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Triệu H1 vắng mặt, quá trình giải quyết có trình bày ý kiến tại biên bản lấy khai ngày 09/01/2025 như sau:

- Về hôn nhân: Ông thống nhất như bà H trình bày về quan hệ hôn nhân là vợ chồng mâu thuẫn và bà H bỏ đi từ năm 2023 đến nay. Hiện không hàn gắn tình cảm được, do vậy ông đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con tên Triệu Văn V, sinh ngày 11/03/2013; Triệu Vũ H2, sinh ngày 08/01/2018 và Triệu Ngọc H3, sinh ngày 15/10/2019. Hiện các con do ông chăm sóc, nuôi dưỡng và ông yêu cầu được nuôi dưỡng cả 03 người con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho 03 người con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì thấy: Ông H1 đồng ý ly hôn và nuôi 03 người con chung với bà H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, công nhận thuận tình ly hôn cho bà H và ông H1. Đối với 03 con chung, bà H yêu cầu giao cho ông H1 nuôi dưỡng và các con có nguyện vọng sống với cha, ông H1 đồng ý nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho ông H1 nuôi dưỡng. Về án phí đề nghị xem xét nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Các vấn đề khác không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng cho

đương sự, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông H1 tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73/2015 ngày 05/8/2015 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà H với ông H1 không sống chung với nhau. Ông H1 đã được thông báo về việc bà H khởi kiện và đồng ý ly hôn, việc đồng ý ly hôn của ông H1 là tự nguyện. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H và ông H1.

[3] Về con chung: Giữa bà H và ông H1 có 03 người con chung là Triệu Văn V, sinh ngày 11/03/2013; Triệu Vũ H2, sinh ngày 08/01/2018 và Triệu Ngọc H3, sinh ngày 15/10/2019 đều đang sống với ông H1. Bà H yêu cầu giao 03 người con chung cho ông H1 nuôi dưỡng. Tại lời khai ngày 09/01/2025 (bút lục 40), ông H1 đồng ý nuôi 03 người con chung và các con chung là Văn V, Vũ H2 đều có nguyện vọng được sống với ông H1 (bút lục 41) nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 03 người con chung nêu trên cho ông H1 nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Ông H1 không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho các con là tự nguyện, bà H không tự nguyện cấp dưỡng và có ý kiến sẽ tự thỏa thuận với ông H1. Do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn. Tuy nhiên trong vụ án này, bà H đồng ý chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận buộc bà H phải chịu án phí ly hôn.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Mỹ H và ông Triệu H1.

2. Về con chung: Giao 03 người con chung là Triệu Văn V, sinh ngày 11/03/2013; Triệu Vũ H2, sinh ngày 08/01/2018 và Triệu Ngọc H3, sinh ngày 15/10/2019 cho ông Triệu H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Trần Thị Mỹ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí ly hôn là 150.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004060 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Ông Triệu H1 không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai